

BÁO CÁO NHANH
Tình hình sản xuất nông nghiệp
(Đến ngày 27 tháng 02 năm 2023)

1. Kết quả sản xuất chủ yếu

a) Sản xuất lúa

STT	Địa phương	Vụ Đông Xuân 2022-2023				Vụ Mùa 2022-2023			
		Kế hoạch (ha)	DT gieo sạ (ha)	Thu hoạch		Kế hoạch (ha)	DT gieo sạ (ha)	Thu hoạch	
				DT (ha)	NS (tấn/ha)			DT (ha)	NS (tấn/ha)
01	Tp. Hà Tiên					600	589,0	589	3,52
02	Giang Thành	29.100	29.100,0	12.209	6,80	200	185,5	185,5	5,07
03	Kiên Lương	23.500	23.000,0	1.350	7,10				
04	Hòn Đất	79.500	79.978,0	2.833	6,70				
05	Tp. Rạch Giá	5.488	5.488,4	796	7,00				
06	Châu Thành	19.100	19.063,2	6.532	7,50				
07	Tân Hiệp	36.662	36.598,0	1.427	8,80				
08	Giồng Riềng	46.600	46.657,0	4.112	7,80				
09	Gò Quao	25.200	25.148,4	7.480	7,66	1.550	1.549	1.549	6,36
10	An Biên	5.600	6.020,0	6.020	5,90	20.000	20.026,6	20.026,6	5,60
11	An Minh					23.500	25.579,5	25.579,5	4,93
12	Vĩnh Thuận	3.800	3.354,3	3.354,3	5,60	14.000	13.132,7	13.132,7	5,40
13	UM. Thượng	6.450	6.635,9	6.357,5	5,70	8.600	7.436,9	7.436,9	5,50
Tổng cộng		281.000	281.043,2	55.331	6,84	68.450	68.499,2	68.499,2	5,30

b) Sản xuất vụ nuôi tôm nước lợ năm 2023

STT	Địa phương	Kế hoạch (ha)	Diện tích (ha)				Sản lượng thu hoạch (tấn)
			Tổng số	Trong đó			
				Nuôi CN	Tôm lúa	Tôm QCCT	
01	Tp. Hà Tiên	2.460	461	105		356	930
02	Kiên Lương	8.050	3.420	510	300	2.610	2.836
03	Giang Thành	3.400	505	5		500	
04	Hòn Đất	6.350	1.300	200		1.100	465
05	An Biên	25.500	19.741		16.300	3.741	453
06	An Minh	47.800	45.884	19	37.141	8.724	1.650
07	Vĩnh Thuận	30.370	18.139		18.139		3.850
08	UM. Thượng	9.300	2.924		2.924		95
09	Gò Quao	4.200	2.045		415	1.630	
Tổng cộng		137.430	94.719	839	73.310	18.661	10.279

2. Tình hình chung

- **Vụ Mùa 2022-2023:** Diện tích gieo trồng được 68.499,2 ha/68.450 ha, đạt 100,07% kế hoạch. Đến nay, đã thu hoạch dứt điểm 68.499,2 ha, đạt 100% diện tích gieo trồng, năng suất bình quân ước đạt 5,30 tấn/ha, sản lượng 363.046 tấn.

- **Vụ Đông Xuân 2022-2023:** Diện tích gieo trồng được 281.043,2 ha/281.000 ha, đạt 100,02% kế hoạch. Thu hoạch được 55.331 ha, đạt 19,69% diện tích gieo trồng, năng suất bình quân ước đạt 6,84 tấn/ha, sản lượng 378.464 tấn.

- **Vụ nuôi tôm nước lợ năm 2023:** Đến nay, đã thả nuôi được 94.719 ha/137.430 ha, đạt 68,92% kế hoạch. Trong đó, diện tích nuôi tôm công nghiệp 839 ha; nuôi tôm quảng canh-quảng canh cải tiến 18.661 ha và nuôi tôm - lúa 73.310 ha, sản lượng thu hoạch đến nay ước đạt 10.279 tấn/120.500 tấn, đạt 8,53% kế hoạch.

3. Tình hình sinh vật gây hại trên lúa: Tổng diện tích nhiễm sâu, bệnh trên lúa Đông Xuân 2022 - 2023 là 14.215 ha (*tăng 1.576 ha so với tuần trước*). Các đối tượng dịch hại bao gồm: Bệnh lem lép hạt diện tích nhiễm là 8.469 ha (*tăng 3.363 ha so với tuần trước*); Bệnh cháy bìa lá diện tích nhiễm là 1.277 ha (*giảm 427 ha so với tuần trước*); Bệnh đạo ôn cổ bông diện tích nhiễm 1.239 ha (*giảm 672 ha so với tuần trước*); Vàng lá chín sớm diện tích nhiễm 2.867 ha (*tăng 707 ha so với tuần trước*); Rầy nâu diện tích nhiễm là 308 ha (*giảm 403 ha so với tuần trước*). Ngoài ra các đối tượng gây hại như: đạo ôn lá, chuột, sâu cuốn lá, rầy phấn trắng, ... xuất hiện và gây hại ở mức rải rác đến nhẹ, không ảnh hưởng đến sinh trưởng cây lúa.

4. Thông tin thị trường

- Lúa thường (tươi): 6.300-6.500đ - Heo hơi: 52.000đ-55.000 đ - Urê: 14.200-15.000đ
- Lúa CLC (tươi): 6.600-6.700đ - Tôm sú (30c/kg): 195.000đ-200.000đ - NPK (16-16-8): 21.800đ
- Gạo thường: 11.500đ-12.500đ - Tôm thẻ (100c/kg): 95.000đ-100.000đ - NPK (20-20-15): 23.000đ
- Gạo CLC: 15.000đ-16.000đ - Cá bớp: 190.000-200.000đ - KCL: 18.200 đ - DAP: 29.000đ

Nơi nhận:

- Cục trồng trọt (I+II), Vụ nuôi trồng TS;
- TT Tin học & Thống kê (Bộ NN);
- VP.TU, VP.UBND tỉnh;
- Cục Thống kê, Sở KH-ĐT, Sở Công Thương;
- BGD Sở;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, Tp;
- Website Sở;
- Lưu: VT, KH-TC, hngoc.



Trần Công Danh